



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CP530Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP FB225 WHITE SCITEX INK
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550 HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độ độc cấp tính (qua miệng)	Loại 4
	Độ độc cấp tính (qua da)	Loại 5
	Khả năng gây ung thư	Loại 2
	Chất độc sinh sản	Loại 2
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy cơ trường diễn đối với môi trường nước	Loại 3
Các thành phần của nhãn		
Ký hiệu hiểm họa	Không có.	
Từ cảnh báo	Không có.	
Công bố hiểm họa	Không có.	
Thông điệp để phòng		
Phòng Ngừa	Không có.	
Ứng phó	Không có.	
Bảo Quản	Không có.	
Thải bỏ	Không có.	

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại Đioxit titan được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B, nghĩa là chưa có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của đioxit titan ở con người, nhưng có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của chất này ở động vật thí nghiệm. Tiếp xúc với đioxit titan có trong sản phẩm này là khó xảy ra vì đây là một thành phần trong mực lỏng và được liên kết với các thành phần khác của mực. Có thể gây ung thư.

Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphineoxide – Trong thử nghiệm ở động vật, nguy cơ giảm khả năng sinh sản chỉ được thấy sau khi nuốt vào chất này với liều dùng rất cao.

Thông tin thêm Chứa Glycerolpropoxytriacylate. Có thể gây phản ứng dị ứng.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Aliphatic Urethane Acrylate		Độc quyền	<30
Hỗn hợp chất màu titanium dioxide		13463-67-7	<15
Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphine		Độc quyền	<5

Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Vinylester resin	AXIT PROPIONIC, 2-methyl-3,3'-(phenylphosphinylidene)di-, diallyl ester		<1

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Vinylcaprolactam		Độc quyền	<30
Acrylate ester		Độc quyền	<15
Axit 2-Propenoic, (2,4,6-trioxo-1,3,5-triazine-1,3,5(2H, ,4H,6H)-triy)tri-2,1-ethanediyl ester		40220-08-4	<10
Propiophenone derivative		Độc quyền	<5
Glyxerin, chất hoạt động bề mặt, este với axit acrylic		Độc quyền	<1

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải

Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da

Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với mắt

Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Ăn phải

Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện

Không có.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp

Bộ khô. Carbon dioxide (CO₂). Nước có thể không hiệu quả.

Chất chữa cháy không phù hợp

Nước có thể không hiệu quả. Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì nó có thể chia cắt và làm lan rộng đám cháy.

Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Không áp dụng.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Không có.

Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa

Tránh để chảy vào cống thoát nước mưa và mương, mà sẽ dẫn đến đường nước.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Không đụng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Không có.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Xem mục 13 Lưu ý về thải bỏ.

Thông tin khác

Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ. Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Để cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh. Không bảo quản dưới ánh nắng trực tiếp. Không xử lý hoặc lưu trữ gần nguồn lửa mở, nhiệt hoặc nguồn gây cháy khác. Nên sử dụng thùng chứa bằng polyethylene đục và có khối lượng riêng cao (HDPE) để vận chuyển và bảo quản.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Hỗn hợp chất màu titanium dioxide (CAS 13463-67-7)	STEL	10 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
	TWA	6 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
		5 mg/m ³	Bụi có thể hít vào phổi.

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
Hỗn hợp chất màu titanium dioxide (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m ³

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Không có.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe). Nên có điểm rửa mắt và các phòng tắm khẩn cấp.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Mang bao tay chống hóa chất thích hợp.

Khác

Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp.

Bảo vệ đường hô hấp

Thực hiện thông khí đầy đủ. Trong trường hợp không có đủ hệ thống thông khí, đeo thiết bị thở thích hợp.

Các hiểm họa nhiệt

Không có.

Các lưu ý vệ sinh chung

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Không để vật liệu này đi vào mắt, da hoặc quần áo của bạn. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại. Để xa đồ ăn thức uống.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Chất lỏng.

Trạng thái vật lý

Không có.

Dạng

Chất lỏng.

Màu

Trắng.

Mùi

Đặc điểm.

Ngưỡng phát hiện mùi

Không có.

pH

Không có.

Điểm cháy/điểm đông

Không có.

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu

Không có.

Điểm cháy

77.0 °C (170.6 °F) Ly kín EPA Phương pháp 1020

Tốc độ bay hơi

Không có.

Khả năng cháy (rắn, khí)

Không có.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%)

Không có.

Giới hạn cháy - trên (%)

Không có.

Giới hạn nổ - dưới (%)

Không có.

Giới hạn nổ - trên (%)

Không có.

Áp suất hơi

Không có.

Tỷ khối hơi

Không có.

(Các) độ tan

Tính tan (nước)

Không có.

Hệ số phân tách (n-octanol/nước)

Không có.

Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có.
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Thông tin khác	
VOC (Trọng lượng %)	7.6 g/l Method 24/ASTM D5403-93

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sự polime hóa nguy hiểm có thể xảy ra với hàm lượng chất ức chế suy giảm.
Các điều kiện cần tránh	Phơi nhiễm với ánh nắng.
Các vật liệu tương kỵ	Không tương thích với các basơ mạnh và các chất ôxi hóa. các kim loại kiềm
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra các oxyt thể khí của nitơ, cacbon monoxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.
Thông tin về các tác dụng độc	
Độc tính cấp tính	Gây kích ứng da và mắt.
Ăn mòn/kích ứng da	Không ăn mòn (OECD 431)
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây kích ứng mắt. (OECD 437)
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không có.
Gây mẫn cảm da	Sản phẩm chứa một lượng nhỏ chất gây mẫn cảm có thể kích phát một phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có.
Khả năng gây ung thư	
Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	
Titanium dioxide pigment blend (CAS 13463-67-7)	A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.
Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư	
Titanium dioxide pigment blend (CAS 13463-67-7)	2B Có thể gây ung thư cho người.
Độc tích sinh sản	Không có.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không có.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Không có.
Hiểm họa hít phải	Không có.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh Độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các tác dụng có hại lâu dài cho môi trường nước.

Độc tính sinh thái

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
Hỗn hợp chất màu titanium dioxide (CAS 13463-67-7)		
Dưới nước		
Cá	LC50	Cá Mummichog (Fundulus heteroclitus) > 1000 mg/l, 96 giờ
Lớp tôm cua	EC50 (nồng độ tác dụng 50%)	Bọ nước (Daphnia magna) > 1000 mg/l, 48 giờ

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy Không có.

Khả năng tích tụ sinh học Không có.

Di chuyển trong đất	Không có.
Các tác dụng có hại khác	Không có.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
------------------------------	--

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	NA1993
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Combustible Liquid n.o.s. (1-Methoxy-2-propanol acetate, Solvent naphtha) - not regulated in quantities less than 119 gallons.
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Combustible
Nguy cơ phụ	-
Nhóm đóng gói	III
Các biện pháp để phòng đặc biệt cho người dùng	Không có.

IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

ADR

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Thông tin khác

Các điều khoản cụ thể: Quy định (EC) No 1907/2006 của Quốc hội Châu Âu và của Hội đồng về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH), thành lập một Cơ quan Hóa chất Châu Âu, sửa đổi Chỉ thị 1999/45/EC và hủy bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) No 793/93 và Quy định của Ủy ban (EC) No 1488/94 cũng như Chỉ thị của Hội đồng 76/769/EEC và các Chỉ thị của Ủy ban 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC và 2000/21/EC (trong phiên bản sửa đổi OJ L 396 từ 29.05.2007 trang 3 với các chỉnh sửa và sửa đổi tiếp theo).

Thông tin về quy định

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	14-Tháng-Mười-2016
Phiên bản số	01
Khước Từ Trách Nhiệm	Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.
Thông Tin Sửa Đổi	Lai Lịch Sản Phẩm và Công Ty: Từ Đồng Nghĩa Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Thông Tin Công Bố Ưu Tiên Hơn Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN: Material Transportation Information 15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT: Risk Phrases - Labeling
Thông tin nhà sản xuất	HP Inc. 1501 Page Mill Road Palo Alto, CA 94304-1112 US (Direct) +972 (9) 892-4628